**LĨNH VỰC: TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH**

**KẾ HOẠCH – ĐẦU TƯ**

**01. Tên thủ tục hành chính:** ***Thành lập tổ hợp tác***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện:** | Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hố sơ theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (một cửa)  - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: thứ hai đến thứ sáu.  + Sáng từ 7giờ30 đến 10giờ.  + Chiều từ 13giờ30 đến 16giờ.  Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ và cấp giấy biên nhận:  + Trường hợp Hợp đồng hợp tác của tổ có nội dung phù hợp với quy định tại điều 05 Nghị định 151/2007/NĐ-CP thì UBND cấp xã, phường chứng thực hoặc chứng thực lại ký xác nhận, đóng dấu vào hợp đồng hợp tác.  + Trường hợp UBND cấp xã, phường không chứng thực hợp đồng hợp tác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.  Bước 3. Trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả  Thời gian trao trả kết quả từ 13giờ30 đến 16giờ vào thứ hai đến thứ sáu. |
| **Cách thức thực hiện:** | Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan nhà nước |
| **Thành phần,**  **số lượng hồ sơ:** | a) Thành phần hồ sơ gồm:  - Giấy đề nghị chứng thực/chứng thực lại  - Hợp đồng tổ hợp tác.  - Danh sách tổ viên, tổ trưởng, ban điều hành.  b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ. |
| **Thời gian giải quyết:** | 05 ngày làm việc |
| **Đối tượng thực hiện:** | Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện:** | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn |
| **Kết quả:** | Chứng thực hoặc chứng thực lại hợp đồng (chỉ theo dõi) |
| **Lệ phí:** | Không |
| **Tên mẫu đơn, tờ khai:** | - Giấy đề nghị chứng thực/chứng thực lại  - Hợp đồng tổ hợp tác. |
| **Yêu cầu, điều kiện**  **thực hiện TTHC:** | Không |
| **Căn cứ pháp lý:** | *- Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ;*  *- Thông tư số 04/2008/TT-BKH, ngày 09/07/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.* |

Mẫu THT1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHỨNG THỰC/ CHỨNG THỰC LẠI**

***Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã/phường/thị trấn............................................................***

Tôi là:.......................................................................................................................... Nam/Nữ

(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)

Sinh ngày .........../............./.............. Dân tộc:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp ........./............./.............. Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại (nếu có):.......................................................... Di động (nếu có):..................................................................

Fax (nếu có):.............................................................................Email (nếu có):………..................................………………...

Là đại diện của tổ hợp tác……......................… …..đề nghị Uỷ ban nhân dân xã (phường, thị trấn) chứng thực/chứng thực lại Hợp đồng hợp tác được gửi kèm theo.

Kính đề nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *......................, ngày .............. tháng ................ năm .............*  **Tổ trưởng tổ hợp tác**  (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Mẫu hướng dẫn xây dựng hợp đồng hợp tác**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2008/TT-BKH*

*ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………………, ngày…...… tháng…....…năm…....…*

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC**

*(Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác có thể có tên gọi khác, như nội quy, quy ước, quy chế hoạt động, v.v., nhưng nội dung phải phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định 151/NĐ-CP.)*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

Chúng tôi gồm các tổ viên có danh sách kèm theo cùng nhau cam kết thực hiện hợp đồng hợp tác với các nội dung sau:

**Điều 1. Tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch của tổ hợp tác**

1. Tên của tổ hợp tác:..................................................................................................................................................................................

2. Biểu tượng (nếu có)

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác ghi rõ tên, biểu tượng của tổ hợp tác (nếu có) không trùng, không gây nhầm lẫn với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong phạm vi cấp xã nơi tổ hợp tác chứng thực hợp đồng hợp tác; biểu tượng của tổ hợp tác phải được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*

*2. Trường hợp tổ hợp tác có tổ viên cư trú ở các xã khác nhau thì tên, biểu tượng không trùng, không gây nhầm lẫn với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trên địa bàn các xã mà tổ viên tổ hợp tác đó cư trú.)*

3. Địa chỉ giao dịch:

a. Số nhà (nếu có)...........................................................................................................................................................................................

b. Đường phố/thôn/bản..............................................................................................................................................................................

c. Xã/phường/thị trấn...................................................................................................................................................................................

d. Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh……..............................................................................…………………………...

e. Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương...………...............................................................................………….…………….

f. Số điện thoại/fax (nếu có)……………………….........................................................................................………….…………….

g. Địa chỉ thư điện tử (nếu có)……………………….......................................................................................……….…………….

h. Địa chỉ Website (nếu có)....................................................................................................................................................................

**Điều 2. Mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn:*

*1. Mục đích:*

*Các tổ viên tổ hợp tác sau khi thảo luận, thống nhất quyết định thực hiện các công việc sau:*

*a………..…………………….…...........................................................................................................................…………………………………..………*

*b………………………………..……………............................................................................................................................…………………………..…*

*c…………………………………………..………….............................................................................................................................………..………...…*

*2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 2 Nghị định 151/2007/NĐ-CP. Tổ hợp tác có thể quy định thêm các nguyên tắc khác không trái với quy định của pháp luật.)*

**Điều 3. Thời hạn hợp đồng hợp tác**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày….........tháng............năm….......đến hết ngày…........tháng ...........năm…......

*(Hướng dẫn: Tổ hợp tác chú ý xác định thời hạn hợp đồng hợp tác phù hợp với mục đích của tổ hợp tác.)*

**Điều 4. Tài sản của tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 19 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Hợp đồng hợp tác quy định tài sản đóng góp của tổ viên tổ hợp tác kèm theo “danh sách đóng góp tài sản của tổ viên tổ hợp tác” được ban hành kèm theo Thông tư này - Mẫu THT6.*

*3. Hợp đồng hợp tác quy định tài sản cùng tạo lập, được tặng, được cho chung và tài sản khác theo quy định của pháp luật, kèm theo “bảng tài sản chung của tổ hợp tác” được ban hành kèm theo Thông tư này - Mẫu THT7.)*

**Điều 5. Công tác tài chính, kế toán của tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 20 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Hợp đồng hợp tác quy định hình thức, nội dung, thời hạn báo cáo tài chính trong nội bộ tổ hợp tác.)*

**Điều 6. Phương thức phân phối hoa lợi, lợi tức và xử lý lỗ giữa các tổ viên**

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 21 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên từ trên 50% đến 100%.*

*3. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể phương thức xử lý lỗ và rủi ro, ví dụ:*

*- Giảm các khoản thu của tổ viên, tổ chức có trách nhiệm liên đới theo quy định của pháp luật và Hợp đồng hợp tác này;*

*- Sử dụng khoản tiền bồi thường của các tổ chức mà tổ hợp tác đã mua bảo hiểm;*

*- Trường hợp sử dụng các khoản trên vẫn chưa đủ bù lỗ thì số lỗ còn lại được bù đắp bằng khoản tích luỹ chung theo thoả thuận của đa số tổ viên; tổ hợp tác có thể quy định tỷ lệ đa số từ trên 50% đến 100%;*

*- Khi đã sử dụng tất cả các khoản thu trên mà vẫn không đủ trang trải số thực lỗ thì số lỗ còn lại được chuyển sang năm sau hoặc được trích từ phần tài sản đóng góp của tổ viên với tỷ lệ tương ứng theo thoả thuận của tổ hợp tác.)*

**Điều 7. Điều kiện, thủ tục kết nạp tổ viên tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 7 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên biểu quyết từ trên 50% đến 100%.*

*3. Căn cứ ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của tổ hợp tác để thống nhất các quy định khác về điều kiện trở thành tổ viên, như: tay nghề, sức khỏe, số vốn góp….)*

**Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của các tổ viên**

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 8,9,10 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể hình thức kiểm tra, giám sát của tổ viên đối với tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.*

*3. Hợp đồng hợp tác quy định điều kiện tổ viên ra khỏi tổ hợp tác trong các trường hợp sau: Tổ viên chuyển nơi cư trú không thuộc địa bàn hoạt động của tổ hợp tác và không thuận lợi cho việc tham gia tổ hợp tác; tổ viên gặp khó khăn rủi ro từ nguyên nhân bất khả kháng, không đủ khả năng thực hiện thoả thuận theo Hợp đồng hợp tác này.*

*4. Hợp đồng hợp tác có thể quy định thêm các điều kiện tổ viên ra khỏi tổ hợp tác không trái với quy định của pháp luật.)*

**Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của tổ trưởng, ban điều hành (nếu có)**

1. Quyền của tổ trưởng:

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Tổ trưởng phải là tổ viên.*

*3. Việc bồi dưỡng đối với tổ trưởng được thoả thuận giữa các tổ viên tổ hợp tác.*

*4. Hợp đồng hợp tác có thể quy định bổ sung quyền của tổ trưởng không trái với quy định của pháp luật.)*

2. Trách nhiệm của tổ trưởng:

*(Hướng dẫn:*

*1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.*

*2. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 2,3,4 Điều 18 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.)*

3. Trách nhiệm của ban điều hành (nếu có):

*(Hướng dẫn:*

*1. Trường hợp cần thiết, tổ hợp tác có thể bầu ban điều hành. Tổ trưởng là trưởng ban điều hành. Số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu ban điều hành do các tổ viên thoả thuận cụ thể.*

*2. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.)*

**Điều 10. Điều kiện chấm dứt tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Khoản 1,3 Điều 15 Nghị định 151/2007/NĐ-CP.)*

**Điều 11. Quy định phương thức giải quyết tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác**

*(Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 14 Nghị định 151/2007/NĐ-CP)*

**Điều 12. Các thoả thuận khác (nếu có)**

*(Hướng dẫn: Tổ hợp tác có thể thoả thuận các nội dung khác của hợp đồng hợp tác không trái quy định pháp luật.)*

**Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Hợp đồng hợp tác này đã được thông qua tại cuộc họp tổ viên Tổ hợp tác ............................................... ngày.................tháng .................năm....................

2. Các tổ viên của tổ có trách nhiệm thi hành Hợp đồng hợp tác này.

3. Mọi sự thay đổi hợp đồng hợp tác phải được đa số tổ viên thống nhất thông qua.

*(Hướng dẫn: Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên thống nhất thông qua từ trên 50% đến 100%.)*

Chúng tôi, gồm tất cả tổ viên tổ hợp tác thống nhất và ký tên vào Hợp đồng hợp tác này:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Địa chỉ nơi cư trú | Số chứng minh nhân dân | Chữ ký  (hoặc điểm chỉ) |
| I | Tổ trưởng |  |  |  |  |
| II | Ban điều hành (nếu có) |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |
| III | Tổ viên |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |

*................, ngày ........... tháng .............. năm ................*

**TM. Uỷ ban nhân dân xã/phường/thị trấn.......................**

Chứng thực Tổ hợp tác........................................

*(Ký tên, đóng dấu)*